



BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4 TUẦN 6

Họ và tên: _____ Lớp: _____

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Chữ số 5 của số 200 582 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng trăm, lớp nghìn B. Hàng trăm, lớp đơn vị
C. Hàng chục, lớp đơn vị D. Hàng chục, lớp nghìn

Câu 2. Từ các chữ số 4;0;8 viết được tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau?

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 3. Cho 6 chữ số 1;2;5;6;9;0. Số bé nhất gồm 6 chữ số đã cho là:

- A. 012569 B. 125690 C. 102569 D. 120569

Câu 4. Số nào dưới đây làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được ba trăm nghìn?

- A. 249 000 B. 290 001
C. 240 001 D. 239 000



Câu 5. Giá trị của chữ số 3 trong số bé nhất có 6 chữ số khác nhau là:

- A. 30 B. 300 C. 3000 D. 30 000

Câu 6. Số chẵn lớn nhất có 8 chữ số là:

- A. 99 999 999 B. 99 999 990 C. 99 999 998 D. 89 988 888

Câu 7. Số lẻ nhỏ nhất có chín chữ số là:

- A. 100 000 000 B. 100 000 001 C. 111 111 111 D. 110 000 000

Câu 8. Có bao nhiêu số có 4 chữ số mà tổng bốn chữ số bằng 3?

- A. 7 số B. 8 số C. 10 số D. 11 số

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Nêu giá trị của chữ số 9 trong các số sau:

952 431 678; 719 345 674; 456 982; 123 456 789

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 36m, chiều rộng bằng nửa chiều dài. Xung quanh mảnh vườn đó người ta trồng cam, cứ cách 3m thì trồng một cây. Hỏi xung quanh mảnh vườn đó người ta trồng được bao nhiêu cây cam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Tìm một số có ba chữ số, biết rằng chữ số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng chục, chữ số hàng chục gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN**BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4
TUẦN 6**

Họ và tên: _____ Lớp: _____

I/ TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Chữ số 5 của số 200 582 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng trăm, lớp nghìn **B. Hàng trăm, lớp đơn vị**
C. Hàng chục, lớp đơn vị D. Hàng chục, lớp nghìn

Câu 2. Từ các chữ số 4;0;8 viết được tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau?

- A. 6 B. 5 **C. 4** D. 3

Câu 3. Cho 6 chữ số 1;2;5;6;9;0. Số bé nhất gồm 6 chữ số đã cho là:

- A. 012569 B. 125690 **C. 102569** D. 120569

**Câu 4. Số nào dưới đây làm tròn đến hàng
trăm nghìn thì được ba trăm nghìn?**

- A. 249 000 **B. 290 001**
C. 240 001 D. 239 000



Câu 5. Giá trị của chữ số 3 trong số bé nhất có 6 chữ số khác nhau là:

- B. 30 B. 300 C. 3000 **D. 30 000**

Câu 6. Số chẵn lớn nhất có 8 chữ số là:

- A. 99 999 999 B. 99 999 990 **C. 99 999 998** D. 89 988 888

Câu 7. Số lẻ nhỏ nhất có chín chữ số là:

- A. 100 000 000 **B. 100 000 001** C. 111 111 111 D. 110 000 000

Câu 8. Có bao nhiêu số có 4 chữ số mà tổng bốn chữ số bằng 3?

A. 7 số

B. 8 số

C. 10 số

D. 11 số

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Nêu giá trị của chữ số 9 trong các số sau:

952 431 678; 719 345 674; 456 982; 123 456 789

Giá trị của chữ số 9 trong số 952 431 678 là: 900 000 000

Giá trị của chữ số 9 trong số 719 345 674 là: 9 000 000

Giá trị của chữ số 9 trong số 456 982 là: 900

Giá trị của chữ số 9 trong số 123 456 789 là: 9

Bài 2: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 36m, chiều rộng bằng nửa chiều dài. Xung quanh mảnh vườn đó người ta trồng cam, cứ cách 3m thì trồng một cây. Hỏi xung quanh mảnh vườn đó người ta trồng được bao nhiêu cây cam?

Chiều rộng hình chữ nhật là: $36 : 2 = 18$ (m)

Chu vi mảnh vườn là: $(36 + 18) \times 2 = 108$ (m)

Xung quanh mảnh vườn người ta trồng được số cây là: $108 : 3 = 36$ (cây)

Đáp số: 36 cây.

Bài 3: Tìm một số có ba chữ số, biết rằng chữ

số hàng trăm gấp 2 lần chữ số hàng chục,

chữ số hàng chục gấp 3 lần chữ số hàng đơn vị.

Nếu chữ số hàng đơn vị là 1 thì :

Chữ số hàng chục là: $1 \times 3 = 3$

Chữ số hàng trăm là: $3 \times 2 = 6$

Vậy số cần tìm là: 631

-Nếu chữ số hàng đơn vị là 2 thì:



Chữ số hàng chục là: $2 \times 3 = 6$

Chữ số hàng trăm là: $6 \times 2 = 12$ (không thỏa mãn yêu cầu của đề)

Đáp số: 631